

Số: 45/2017/QĐ-UBND

Sóc Trăng, ngày 21 tháng 12 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH**

**Ban hành Quy định về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp  
và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và  
công nghệ tỉnh Sóc Trăng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 09/2014/TT-BKHCN ngày 27 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định quản lý các nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia;*

*Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Sóc Trăng.*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018 và thay thế Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng ban hành Quy định về xác định, tuyển chọn nhiệm vụ, thẩm định và đánh giá nghiệm thu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ tỉnh Sóc Trăng và Quyết định số 34/2009/QĐ-UBND ngày 07 tháng 10 năm 2009 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng về việc sửa đổi Khoản 2 Điều 35 Quy định về xác định, tuyển chọn nhiệm vụ, thẩm định và đánh giá nghiệm thu các đề tài, dự án khoa học và công nghệ ban hành kèm theo Quyết định số 15/2008/QĐ-UBND ngày 12 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Thủ trưởng các Sở, ban ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, tỉnh Sóc Trăng và các tổ chức, cá nhân có liên quan căn cứ Quyết định thi hành./.

Nơi nhận: *hcb*

- Như Điều 3; (*hcb*)
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra VBQPPL);
- TT.TU, TT.HĐND tỉnh;
- CT, các PCT.UBND tỉnh;
- Công TTĐT tỉnh;
- Công báo tỉnh;
- phongkiemtrayanban2012@gmail.com;
- Lưu: VT, KT, VX, TH.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Hùng**



## **QUY ĐỊNH**

**Về xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp và đánh giá,  
nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tỉnh Sóc Trăng**  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 45/2017/QĐ-UBND ngày 21/12/2017  
của Ủy ban nhân dân tỉnh Sóc Trăng)

### **Chương I QUY ĐỊNH CHUNG**

#### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

##### **1. Phạm vi điều chỉnh**

Quy định này quy định công tác xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện và đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ khoa học và công nghệ (sau đây viết tắt là KH&CN) cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước.

##### **2. Đối tượng áp dụng**

Quy định này áp dụng đối với các tổ chức KH&CN, cá nhân hoạt động KH&CN, cơ quan nhà nước, tổ chức và cá nhân khác có liên quan.

#### **Điều 2. Giải thích từ ngữ**

1. Xác định các nhiệm vụ KH&CN là công việc được thực hiện hàng năm dựa trên định hướng phát triển KH&CN ưu tiên, các nhiệm vụ KH&CN chủ yếu của nhà nước và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Những nhiệm vụ KH&CN đã được xác định năm trước nhưng chưa thực hiện sẽ được xem xét nếu tiếp tục thực hiện trong năm tiếp theo.

2. Thẩm định bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN là quá trình xem xét đánh giá mục tiêu, nội dung, phương pháp nghiên cứu, phương án triển khai, tính hợp lý về kinh phí đề nghị, các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật của sản phẩm nghiên cứu, năng lực của tổ chức và cá nhân chủ trì.

3. Đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN là quá trình xem xét các kết quả thực hiện so với toàn bộ nội dung của hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và các tài liệu pháp lý liên quan khác khi kết thúc hợp đồng.

#### **Điều 3. Hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; điều chỉnh một số nội dung có liên quan đến nhiệm vụ KH&CN**

1. Các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ. Hợp đồng phải được lập thành văn bản, đúng theo quy định của pháp luật.

2. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

3. Việc điều chỉnh thời gian thực hiện nhiệm vụ KH&CN chỉ được thực hiện 01 lần không quá 12 tháng đối với các nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện từ 24 tháng trở lên và không quá 06 tháng đối với nhiệm vụ KH&CN có thời gian thực hiện dưới 24 tháng. Để được gia hạn, tổ chức chủ trì phải có đề nghị bằng văn bản gửi Sở KH&CN để xem xét. Trường hợp đặc biệt, do người có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ KH&CN quyết định.

4. Kinh phí thực hiện nhiệm vụ KH&CN được cấp theo nội dung và tiến độ thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

5. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN xem xét, điều chỉnh về tổ chức chủ trì, mục tiêu, nội dung và sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN trên cơ sở văn bản đề nghị của tổ chức chủ trì và ý kiến của Hội đồng KH&CN chuyên ngành do Sở KH&CN thành lập (chi phí do tổ chức chủ trì chi trả nếu sự thay đổi do nguyên nhân chủ quan), trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chỉ được điều chỉnh không quá 02 lần.

## **Chương II** **XÁC ĐỊNH CÁC NHIỆM VỤ KH&CN**

### **Điều 4. Yêu cầu đối với việc xác định các nhiệm vụ KH&CN**

Các nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng 03 yêu cầu sau:

1. Xuất phát từ yêu cầu giải quyết những vấn đề quan trọng, cấp thiết của tỉnh.
2. Không trùng lặp về nội dung với các nhiệm vụ KH&CN đã và đang thực hiện.
3. Kết quả của nhiệm vụ KH&CN phải có tác động lớn và ảnh hưởng lâu dài đến quá trình phát triển KH&CN và kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc liên quan huyện, thị xã, thành phố.

### **Điều 5. Các nguồn hình thành các nhiệm vụ KH&CN**

1. Chỉ đạo của Tỉnh ủy và Ủy ban nhân dân tỉnh

Chỉ đạo thực hiện các nhiệm vụ KH&CN theo Quy hoạch, kế hoạch hoặc đột xuất để giải quyết nhiệm vụ, yêu cầu cấp thiết của tỉnh.

2. Đề xuất của các sở, ban ngành tỉnh và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố.

a) Nhiệm vụ KH&CN do các sở, ban ngành tỉnh đề xuất để giải quyết những vấn đề cấp thiết nhằm phục vụ phát triển đối với những ngành hoặc lĩnh vực có ảnh hưởng lớn và lâu dài đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh hoặc giải quyết các nhiệm vụ liên vùng, liên ngành.

b) Nhiệm vụ KH&CN do Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề xuất với tỉnh để giải quyết những vấn đề cấp thiết nhằm phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của huyện, thị xã, thành phố hoặc của một vùng, liên vùng vượt quá khả năng giải quyết của huyện, thị xã, thành phố.

3. Đề xuất của tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân

Nhiệm vụ KH&CN do các tổ chức KH&CN, doanh nghiệp, tổ chức và cá nhân đề xuất nhằm đáp ứng nhu cầu sản xuất và đời sống, góp phần phát triển kinh tế - xã hội và giải quyết các nhiệm vụ cấp thiết ở địa phương.

#### 4. Đề xuất từ hoạt động hợp tác quốc tế

Nhiệm vụ KH&CN có thể do các tổ chức KH&CN ở nước ngoài hoặc đối tác và các nhà khoa học ở nước ngoài đề xuất nhằm phục vụ việc giải quyết các vấn đề kinh tế - xã hội của tỉnh.

### **Điều 6. Tiêu chí xác định nhiệm vụ KH&CN**

#### 1. Tiêu chí xác định đề tài KH&CN

##### a) Sự cần thiết phải thực hiện đề tài

- Ý nghĩa thực tiễn của đề tài.

- Ý nghĩa khoa học của đề tài: Đảm bảo tính mới, tính tiên tiến.

- Yêu cầu đối với sản phẩm KH&CN của đề tài:

+ Đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học công nghệ và kỹ thuật: Công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN dự kiến phải có triển vọng lớn tạo sự chuyển biến về năng suất, chất lượng, hiệu quả nhưng chưa được nghiên cứu, ứng dụng ở Việt Nam; được hoàn thành ở dạng mẫu và sẵn sàng chuyển sang giai đoạn sản xuất thử nghiệm; có phương án khả thi để phát triển công nghệ hoặc sản phẩm KH&CN trong giai đoạn sản xuất thử nghiệm.

+ Đối với đề tài thuộc lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn: Kết quả đảm bảo tạo ra được luận cứ khoa học, giải pháp kịp thời cho việc giải quyết vấn đề cấp thiết trong thực tiễn đặt ra, đáp ứng nhiệm vụ trong hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, pháp luật của Nhà nước, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

+ Đối với đề tài thuộc lĩnh vực khác: Sản phẩm KH&CN đảm bảo tính mới, tính tiên tiến so với các kết quả đã được tạo ra ở Việt Nam hoặc quốc tế hoặc có ý nghĩa quan trọng đối với phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và an sinh xã hội.

##### b) Tính khả thi

Sự phù hợp về thời gian nghiên cứu (tính từ thời điểm ký hợp đồng đến thời điểm có kết quả), đáp ứng năng lực KH&CN và kinh phí; phải có địa chỉ sử dụng kết quả nghiên cứu.

#### 2. Tiêu chí xác định dự án (Dự án sản xuất thử nghiệm và dự án KH&CN)

##### a) Sự cần thiết phải thực hiện dự án

- Dự án phải có xuất xứ từ ít nhất một trong ba cơ sở, thành quả KH&CN sau: Kết quả của các đề tài KH&CN đã được Hội đồng KH&CN đánh giá nghiệm thu và kiến nghị triển khai áp dụng; sáng chế, giải pháp hữu ích, sản phẩm KH&CN được giải thưởng; kết quả nghiên cứu KH&CN trong nước hoặc ngoài nước đã được các tổ chức có thẩm quyền thẩm định công nhận.

- Sản phẩm dự kiến đảm bảo tính ổn định ở quy mô sản xuất nhỏ và có tính khả thi trong ứng dụng hoặc phát triển sản phẩm ở quy mô sản xuất lớn hoặc có thị trường tiêu thụ mang lại hiệu quả kinh tế - xã hội.

b) Tính khả thi

Sự phù hợp về thời gian nghiên cứu (tính từ thời điểm ký hợp đồng đến thời điểm có kết quả), đáp ứng năng lực KH&CN và kinh phí; có khả năng huy động được nguồn kinh phí ngoài ngân sách nhà nước để triển khai thực hiện dự án.

3. Tiêu chí xác định đề án khoa học

a) Sự cần thiết phải thực hiện đề án

- Ý nghĩa thực tiễn của đề án.

- Ý nghĩa khoa học của đề án.

- Yêu cầu đối với sản phẩm KH&CN của đề án: Kết quả của đề án là những đề xuất hoặc dự thảo cơ chế chính sách, quy trình, quy phạm, văn bản pháp luật với đầy đủ luận cứ khoa học và thực tiễn phục vụ việc hoạch định và thực hiện đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, pháp luật của Nhà nước.

b) Tính khả thi

Sự phù hợp về thời gian nghiên cứu (tính từ thời điểm ký hợp đồng đến thời điểm có kết quả), đáp ứng năng lực KH&CN và kinh phí.

4. Tiêu chí xác định chương trình KH&CN

a) Sự cần thiết phải thực hiện chương trình

- Có mục tiêu tạo ra kết quả KH&CN, phục vụ phát triển tiềm lực KH&CN trong một hoặc một số lĩnh vực trong giai đoạn 5 năm hoặc 10 năm; phát triển hướng công nghệ ưu tiên; phát triển các sản phẩm trọng điểm, chủ lực của tỉnh hoặc phục vụ chương trình mục tiêu của tỉnh.

- Nội dung bao gồm những nhiệm vụ KH&CN có quan hệ trực tiếp và gián tiếp với nhau về chuyên môn và phù hợp với nguồn lực KH&CN trong tỉnh.

- Các kết quả đều thể hiện tính mới, tính tiên tiến, có khả năng ứng dụng cao và đáp ứng được các mục tiêu của chương trình.

b) Tính khả thi

Có thời gian thực hiện không quá 10 năm và tiến độ triển khai phù hợp với mục tiêu của chương trình.

**Điều 7. Xây dựng danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN**

1. Hàng năm, Sở KH&CN xây dựng dự thảo định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ và gửi lấy ý kiến góp ý của các thành viên Hội đồng Xác định nhiệm vụ và Tuyển chọn thực hiện nhiệm vụ KH&CN tỉnh (sau đây viết tắt là Hội đồng XDNV&TCTHNVKHCN tỉnh), để xây dựng định hướng hoạt động nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ của năm sau phù hợp với yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

2. Căn cứ các nguồn hình thành nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 5 của Quy định này, Sở KH&CN xây dựng danh mục sơ bộ các nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 8. Xác định các nhiệm vụ KH&CN**

1. Việc xác định các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện thông qua Hội đồng KH&CN chuyên ngành trước khi trình Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh.

2. Nhiệm vụ của Hội đồng KH&CN chuyên ngành

- Xác định danh mục nhiệm vụ KH&CN đủ điều kiện để đề nghị thực hiện.

- Xác định các nội dung chủ yếu của từng nhiệm vụ KH&CN trong danh mục các nhiệm vụ KH&CN đề nghị thực hiện, bao gồm các nội dung cơ bản sau:

+ Tên nhiệm vụ KH&CN.

+ Mục tiêu của nhiệm vụ KH&CN.

+ Kết quả, sản phẩm dự kiến và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu của sản phẩm.

3. Nhiệm vụ KH&CN được đề nghị đưa vào thực hiện khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí đưa vào thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín. Kết quả làm việc của Hội đồng KH&CN chuyên ngành là danh mục các nhiệm vụ KH&CN dự kiến theo lĩnh vực khoa học tương ứng để Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh xem xét xác định.

Trước khi xem xét, trình Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh thông qua danh mục dự kiến các nhiệm vụ KH&CN, Sở KH&CN có thể tham khảo ý kiến của các sở, ban ngành tỉnh và các đơn vị có liên quan về kết quả làm việc của Hội đồng KH&CN chuyên ngành.

4. Trên cơ sở đề xuất của Hội đồng KH&CN chuyên ngành, Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh xác định danh mục các nhiệm vụ KH&CN để giao thực hiện trực tiếp hoặc thông báo tuyển chọn. Nhiệm vụ KH&CN được đưa vào thực hiện khi có trên 3/4 số thành viên của Hội đồng có mặt nhất trí đưa vào thực hiện bằng hình thức biểu quyết trực tiếp hoặc bỏ phiếu kín.

5. Đối với các nhiệm vụ KH&CN không sử dụng kinh phí cấp tỉnh, Sở KH&CN sẽ xin ý kiến của Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh.

### **Điều 9. Thông báo danh mục các nhiệm vụ KH&CN**

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN được giao trực tiếp: Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng XĐNV&TCTHNV KHCN tỉnh, Sở KH&CN thông báo danh mục các nhiệm vụ KH&CN đến các tổ chức chủ trì và chủ nhiệm các nhiệm vụ KH&CN nộp bản thuyết minh để tổ chức thẩm định.

2. Đối với các nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo phương thức tuyển chọn: Căn cứ kết quả làm việc của Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh, Sở KH&CN thông báo danh mục các nhiệm vụ KH&CN dự kiến thực hiện (trong đó có quy định thời hạn nộp hồ sơ) trên các phương tiện thông tin đại chúng để mọi tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

**Chương III**  
**TUYỂN CHỌN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ**  
**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**Điều 10. Điều kiện để được xem xét tuyển chọn**

1. Các tổ chức có hoạt động phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN, có con dấu và tài khoản có quyền tham gia đăng ký tuyển chọn chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

2. Tổ chức thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn làm chủ trì nhiệm vụ KH&CN:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn trả đầy đủ kinh phí thu hồi theo hợp đồng thực hiện các nhiệm vụ KH&CN trước đây.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN khác do mình chủ trì sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm cả thời gian được gia hạn (nếu có).

c) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa hoàn thành việc đăng ký, nộp, lưu giữ các kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN khác có sử dụng ngân sách nhà nước.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN khác sẽ không được đăng ký tham gia tuyển chọn trong thời gian 01 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

3. Cá nhân đăng ký chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN phải đáp ứng đồng thời các yêu cầu:

a) Có trình độ đại học trở lên.

b) Có chuyên môn phù hợp và đang hoạt động trong lĩnh vực KH&CN phù hợp với nội dung nhiệm vụ KH&CN trong 05 năm gần nhất, tính đến thời điểm nộp hồ sơ.

c) Có đủ khả năng trực tiếp tổ chức thực hiện và bảo đảm đủ thời gian để chủ trì thực hiện công việc của nhiệm vụ KH&CN.

Trường hợp đặc biệt khác với các yêu cầu tại các Điểm a, b, c Khoản này do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

4. Cá nhân thuộc một trong các trường hợp sau đây không đủ điều kiện tham gia đăng ký tuyển chọn làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN:

a) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn đang làm chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh, cấp quốc gia khác.

b) Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn chưa nộp hồ sơ đề nghị đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN khác do mình làm chủ nhiệm sau 30 ngày kể từ ngày kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ theo hợp đồng, bao gồm thời gian được gia hạn (nếu có).



c) Có nhiệm vụ KH&CN do mình làm chủ nhiệm bị đánh giá nghiệm thu ở mức “không đạt” sẽ không được tham gia tuyển chọn trong thời gian là 02 năm kể từ khi có kết luận của Hội đồng đánh giá nghiệm thu.

d) Có sai phạm dẫn đến bị đình chỉ thực hiện nhiệm vụ KH&CN khác do mình làm chủ nhiệm sẽ không được tham gia tuyển chọn trong thời gian 03 năm kể từ khi có Quyết định đình chỉ của cơ quan có thẩm quyền.

### **Điều 11. Đăng ký tham gia tuyển chọn.**

1. Tổ chức và cá nhân đáp ứng điều kiện quy định tại Điều 10 của Quy định này đăng ký tham gia tuyển chọn chuẩn bị và gửi hồ sơ đến Sở KH&CN tỉnh Sóc Trăng. Bộ hồ sơ phải được niêm phong và bên ngoài ghi rõ:

a) Tên nhiệm vụ KH&CN đăng ký tham gia tuyển chọn.

b) Tên, địa chỉ, điện thoại, email của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN và tổ chức tham gia phối hợp thực hiện.

c) Họ và tên cá nhân đăng ký làm chủ nhiệm và danh sách cá nhân tham gia chính thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

d) Liệt kê danh mục tài liệu, văn bản có trong hồ sơ.

#### **2. Thành phần hồ sơ**

a) Hồ sơ pháp lý của tổ chức chủ trì:

- Quyết định thành lập hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của tổ chức chủ trì.

- Điều lệ hoạt động của tổ chức chủ trì (nếu có).

b) Đơn đăng ký chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh.

c) Thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

d) Tóm tắt hoạt động KH&CN của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh.

đ) Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên thực hiện chính, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ KH&CN có xác nhận của cơ quan quản lý nhân sự.

e) Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài, trong đó có kê khai mức lương chuyên gia (trường hợp nhiệm vụ KH&CN có thuê chuyên gia).

g) Văn bản xác nhận (nếu có) về sự đồng ý của các tổ chức tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

h) Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, dịch vụ cần thuê để thực hiện nhiệm vụ KH&CN (thời gian báo giá không quá 30 ngày tính đến thời điểm nộp hồ sơ). Báo giá được cập nhật, điều chỉnh, bổ sung trước thời điểm họp thẩm định kinh phí (nếu cần).

i) Báo cáo tài chính của 02 đến 03 năm gần nhất của tổ chức chủ trì đã nộp các cơ quan quản lý theo quy định.

k) Phương án huy động vốn đối ứng đối với các nhiệm vụ KH&CN phải có vốn đối ứng. Văn bản cụ thể cần có cho từng trường hợp trong phương án huy động vốn đối ứng như sau:

- Đối với trường hợp sử dụng nguồn vốn tự có: Hồ sơ minh chứng tổ chức chủ trì có thể huy động được nguồn vốn tự có để thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với trường hợp huy động vốn từ các cá nhân/tổ chức hoặc huy động vốn góp của chủ sở hữu: Cam kết pháp lý và giấy tờ xác nhận về việc đóng góp vốn của các cá nhân/tổ chức/chủ sở hữu cho tổ chức chủ trì để thực hiện nhiệm vụ.

- Đối với trường hợp vay tổ chức tín dụng: Cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng còn hiệu lực của tổ chức tín dụng đối với tổ chức chủ trì. Trước khi ký hợp đồng thực hiện nhiệm vụ, nếu Tổ thẩm định kinh phí có yêu cầu, tổ chức chủ trì bổ sung hợp đồng tín dụng cho nhiệm vụ với tổng giá trị hợp đồng tín dụng đảm bảo được vốn đối ứng thực hiện nhiệm vụ.

l) Tài liệu liên quan khác, nếu tổ chức đăng ký tham gia tuyển chọn hoặc giao trực tiếp thấy cần thiết bổ sung làm tăng tính thuyết phục của hồ sơ hoặc đơn vị quản lý cần làm rõ thông tin trong quá trình tuyển chọn và thẩm định nhiệm vụ.

### 3. Thay đổi hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn

Việc thay hồ sơ mới hoặc bổ sung hồ sơ phải hoàn tất trước thời hạn nộp hồ sơ theo quy định, các tài liệu bổ sung sau thời hạn nộp hồ sơ theo quy định không là bộ phận cấu thành của hồ sơ, trừ tài liệu quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 5 và cam kết cho vay vốn của các tổ chức tín dụng để thực hiện nhiệm vụ hoặc hợp đồng hạn mức tín dụng được quy định tại Điểm k Khoản 2 Điều 11 của Quy định này.

### **Điều 12. Mở và kiểm tra hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn**

Sở KH&CN chủ trì việc mở hồ sơ. Thành phần dự mở hồ sơ gồm: Đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn, đại diện các cơ quan liên quan. Trường hợp đại diện những tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn không đến tham dự thì vẫn tiến hành mở hồ sơ theo quy định.

1. Kết quả mở hồ sơ được lập biên bản có chữ ký và đóng dấu của Sở KH&CN, chữ ký của đại diện các cơ quan có liên quan và đại diện các tổ chức, cá nhân đăng ký tuyển chọn (nếu có).

2. Những hồ sơ đáp ứng theo các điều kiện quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 10, Khoản 2 Điều 11 và không thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 10 của Quy định này được xem là hồ sơ hợp lệ và được Hội đồng KH&CN chuyên ngành xem xét đánh giá.

### **Điều 13. Đánh giá xếp loại hồ sơ**

1. Sở KH&CN sẽ tổ chức họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá hồ sơ đăng ký tuyển chọn.

2. Trường hợp chỉ có một hồ sơ đăng ký tuyển chọn chủ trì một nhiệm vụ KH&CN, Hội đồng KH&CN chuyên ngành vẫn tổ chức đánh giá theo các tiêu chí.

3. Việc đánh giá hồ sơ tuyển chọn tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, chấm điểm tối đa là 100 điểm. Tổ chức, cá nhân được trúng tuyển khi đáp ứng đồng thời các điều kiện sau:

a) Có hồ sơ được xếp hạng với tổng số điểm trung bình của các tiêu chí cao nhất và phải đạt từ 70/100 điểm trở lên, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm).

Đối với các hồ sơ có tổng số điểm trung bình bằng nhau thì ưu tiên hồ sơ có cam kết và đối ứng vốn ngoài ngân sách nhà nước nhiều hơn. Đối với các hồ sơ có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước bằng nhau hoặc không có vốn đối ứng ngoài ngân sách nhà nước thì ưu tiên hồ sơ có điểm trung bình về năng lực của tổ chức chủ trì và cá nhân chủ nhiệm cao hơn.

b) Được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 Ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ.

4. Hội đồng KH&CN chuyên ngành thảo luận để thống nhất kiến nghị những điểm cần loại bỏ, sửa đổi, bổ sung trong thuyết minh nhiệm vụ KH&CN, các sản phẩm KH&CN chính với những chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật tương ứng phải đạt; sự phù hợp giữa tổng mức kinh phí và các sản phẩm của nhiệm vụ.

5. Kết quả họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành sẽ được ghi thành biên bản.

#### **Điều 14. Thay đổi, lựa chọn hồ sơ trúng tuyển**

Trường hợp tổ chức, cá nhân đã trúng tuyển nhưng từ chối thực hiện nhiệm vụ KH&CN thì tổ chức, cá nhân xếp thứ hạng kế tiếp (có số điểm phù hợp với quy định tại Khoản 3 Điều 13 của Quy định này) được chọn thay thế để thực hiện.

#### **Điều 15. Thông báo và phê duyệt kết quả tuyển chọn**

1. Trên cơ sở kết quả làm việc của Hội đồng KH&CN chuyên ngành, Sở KH&CN thông báo kết quả tuyển chọn đến tất cả các tổ chức, cá nhân có nộp hồ sơ đăng ký tuyển chọn được biết (trong đó có quy định thời hạn nộp hồ sơ đối với tổ chức, cá nhân trúng tuyển trên các phương tiện thông tin đại chúng).

2. Tổ chức và cá nhân trúng tuyển có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ KH&CN theo kiến nghị của Hội đồng KH&CN chuyên ngành và gửi Sở KH&CN. Trường hợp đã hết thời hạn nhưng tổ chức, cá nhân trúng tuyển chưa nộp hồ sơ thì thực hiện theo quy định tại Điều 14 của Quy định này.

#### **3. Phê duyệt kết quả tuyển chọn**

Sở KH&CN sẽ tổ chức thẩm định dự toán kinh phí. Khi tổng hợp đủ danh mục các nhiệm vụ KH&CN được tuyển chọn, Sở KH&CN trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định phê duyệt.

Quyết định phê duyệt của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh sẽ được gửi đến các tổ chức, cá nhân trúng tuyển và Sở KH&CN. Quyết định phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân trúng tuyển và cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

**Chương IV**  
**GIAO TRỰC TIẾP TỔ CHỨC, CÁ NHÂN CHỦ TRÌ**  
**THỰC HIỆN NHIỆM VỤ KH&CN**

**Điều 16. Yêu cầu giao trực tiếp**

1. Các nhiệm vụ KH&CN sau khi được Hội đồng XĐNV&TCTHNVKHCN tỉnh xác định đưa vào thực hiện với phương thức giao trực tiếp, sẽ được thẩm định hồ sơ trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Các tổ chức và cá nhân được giao trực tiếp phải đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 10 của Quy định này.

3. Các tổ chức và cá nhân thuộc một trong các trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 10 của Quy định này sẽ không được xem xét giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

**Điều 17. Hồ sơ nhiệm vụ KH&CN giao trực tiếp**

1. Khi có văn bản thông báo kết quả xác định nhiệm vụ KH&CN của Sở KH&CN, tổ chức và cá nhân đăng ký chủ trì chuẩn bị hồ sơ (có dấu và chữ ký trực tiếp) và gửi hồ sơ đến Sở KH&CN.

2. Thành phần hồ sơ

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 11 Quy định này.

**Điều 18. Thẩm định hồ sơ nhiệm vụ KH&CN giao trực tiếp và thông báo, phê duyệt kết quả**

1. Sở KH&CN sẽ thành lập và tổ chức họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành để thẩm định hồ sơ nhiệm vụ KH&CN.

Việc đánh giá hồ sơ giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, chấm điểm tối đa là 100 điểm. Nhiệm vụ KH&CN được đề nghị thực hiện phải có tổng số điểm trung bình đạt tối thiểu là 70/100 điểm, trong đó không có tiêu chí nào có quá 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt cho điểm không (0 điểm) và được ít nhất 2/3 thành viên Hội đồng có mặt (trong đó có ít nhất 01 Ủy viên phản biện) đánh giá tổng mức kinh phí phù hợp với các sản phẩm của nhiệm vụ.

Kết quả họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành sẽ được lập thành biên bản.

2. Thông báo kết quả

a) Trường hợp đề nghị thực hiện: Sở KH&CN gửi biên bản họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN để chỉnh sửa bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN theo kết luận của Hội đồng. Căn cứ vào Biên bản họp Hội đồng, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN sẽ chỉnh sửa bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.

b) Trường hợp không đề nghị thực hiện: Sở KH&CN thông báo bằng văn bản đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN lý do nhiệm vụ KH&CN không được đề nghị thực hiện.

3. Phê duyệt kết quả

Khi kết thúc thời hạn chỉnh sửa bản thuyết minh, Sở KH&CN sẽ tổ chức thẩm định dự toán kinh phí.

Khi tổng hợp đủ danh mục các nhiệm vụ KH&CN được thẩm định đạt yêu cầu, Sở KH&CN trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định phê duyệt.

Quyết định phê duyệt của Chủ tịch UBND tỉnh được gửi đến các tổ chức, cá nhân có nhiệm vụ KH&CN được thẩm định đạt yêu cầu và Sở KH&CN. Quyết định phê duyệt là căn cứ pháp lý cho việc ký kết hợp đồng với tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH&CN và cấp kinh phí cho việc triển khai thực hiện đề nhiệm vụ KH&CN.

## **Chương V**

### **ĐÁNH GIÁ, NGHIỆM THU NHIỆM VỤ KH&CN**

#### **Điều 19. Nguyên tắc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN**

1. Việc đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ KH&CN phải được tiến hành dân chủ, khách quan bảo đảm thực hiện quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện nhiệm vụ KH&CN và cơ quan quản lý nhà nước về KH&CN theo quy định của Luật KH&CN.

Hợp đồng KH&CN, bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN được Sở KH&CN phê duyệt và các quy định có liên quan khác là căn cứ để tiến hành đánh giá, nghiệm thu.

2. Việc xếp loại kết quả của nhiệm vụ KH&CN phải dựa trên cơ sở đánh giá toàn diện, có căn cứ xác thực với những tiêu chuẩn cụ thể; trong đó, chú trọng về chất lượng khoa học và hiệu quả của nhiệm vụ KH&CN đối với thực tiễn.

3. Việc đánh giá, nghiệm thu kết quả nhiệm vụ KH&CN được thực hiện theo 02 bước

##### **a) Tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ**

Tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ có trách nhiệm tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ theo quy định tại Khoản 2 Điều 21 Quy định này trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cho Sở KH&CN.

Thủ trưởng tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN quyết định thành lập Hội đồng để tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

##### **b) Đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở cấp tỉnh.**

#### **Điều 20. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN ở cấp tỉnh**

1. Việc nộp hồ sơ được thực hiện trong thời hạn 30 ngày kể từ thời điểm kết thúc hợp đồng hoặc thời điểm được gia hạn hợp đồng (nếu có).

##### **2. Thành phần hồ sơ:**

a) Công văn đề nghị đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh của tổ chức chủ trì.

b) Báo cáo tổng hợp và Báo cáo tóm tắt kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

c) Báo cáo tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ.

- d) Bản sao Hợp đồng và bản thuyết minh nhiệm vụ KH&CN.
- đ) Báo cáo tình hình sử dụng kinh phí của nhiệm vụ KH&CN.
- e) Các sản phẩm, tài liệu khác có liên quan (nếu có).

### **Điều 21. Tổ chức đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh**

1. Sở KH&CN tổ chức họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành để đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh.

2. Nội dung đánh giá, nghiệm thu

a) Đánh giá về Báo cáo tổng hợp: Đánh giá tính đầy đủ, rõ ràng, xác thực và lô-gíc của Báo cáo tổng hợp (phương pháp nghiên cứu, kỹ thuật sử dụng,...) và tài liệu cần thiết kèm theo (các tài liệu thiết kế, tài liệu công nghệ, sản phẩm trung gian, tài liệu được trích dẫn,...).

b) Đánh giá về sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN, bao gồm: Số lượng, khối lượng sản phẩm; chất lượng sản phẩm; chủng loại sản phẩm; tính năng, thông số kỹ thuật của sản phẩm.

3. Đánh giá, xếp loại của Hội đồng

a) Mức “Xuất sắc” nếu nhiệm vụ KH&CN có ít nhất 3/4 số thành viên Hội đồng có mặt nhất trí đánh giá mức “Xuất sắc” và không có thành viên đánh giá ở mức “Không đạt”.

b) Mức “Không đạt” nếu nhiệm vụ KH&CN có nhiều hơn 1/3 số thành viên Hội đồng có mặt đánh giá mức không đạt.

c) Mức “Đạt” nếu nhiệm vụ KH&CN không thuộc Điểm a và Điểm b Khoản này.

### **Điều 22. Công tác thẩm định của Tổ chuyên gia**

1. Đối với nhiệm vụ KH&CN có sản phẩm đo kiểm được, khi cần thiết Giám đốc Sở KH&CN thành lập Tổ chuyên gia để thẩm định trước khi tổ chức họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu. Tổ chuyên gia có 03 thành viên, trong đó Chủ tịch Hội đồng KH&CN chuyên ngành làm Tổ trưởng.

2. Tổ chuyên gia có trách nhiệm kiểm tra, thẩm định độ tin cậy của toàn bộ tài liệu, mẫu hiện vật, các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN, nhận định về tính xác thực của các thông số kỹ thuật và tài liệu công nghệ thông qua việc kiểm tra các tài liệu có liên quan, các phương pháp nghiên cứu, phương pháp điều tra khảo sát, phương pháp tính toán và kỹ thuật đã sử dụng, các quy trình nghiên cứu, thí nghiệm, tính đại diện của các mẫu thí nghiệm,...; trên cơ sở hồ sơ đánh giá, khảo sát hiện trường (nếu có), đối chiếu với yêu cầu của hợp đồng và lập báo cáo thẩm định. Báo cáo thẩm định gồm những nội dung chủ yếu sau:

a) Mức độ hoàn thành khối lượng cơ bản so với hợp đồng.

b) Mức độ hoàn thành và tính xác thực của các chỉ tiêu cơ bản của các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN so với yêu cầu đã ghi trong hợp đồng.

c) Mức độ hoàn chỉnh và độ tin cậy của tài liệu công nghệ, các tài liệu khác của nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 23. Xử lý và thông báo kết quả đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh**

1. Đối với các nhiệm vụ KH&CN đạt yêu cầu, Sở KH&CN gửi Biên bản họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành đến tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN để hoàn chỉnh hồ sơ. Tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN có trách nhiệm bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo kết luận của Hội đồng và gửi Sở KH&CN để xác nhận việc hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định. Nếu quá thời hạn được quy định trong Biên bản cuộc họp, tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN không bổ sung, hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định thì xem như không giao nộp sản phẩm, Sở KH&CN xử lý vi phạm hành chính theo quy định.

2. Đối với nhiệm vụ KH&CN xếp loại ở mức “Không đạt”, Sở KH&CN chủ trì, phối hợp các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành.

### **Điều 24. Đăng ký, lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN cấp tỉnh có sử dụng ngân sách nhà nước phải được đăng ký, lưu giữ tại tổ chức thực hiện chức năng đầu mối thông tin KH&CN cấp tỉnh.

2. Kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN thuộc danh mục bí mật nhà nước được đăng ký, lưu giữ theo chế độ mật.

### **Điều 25. Công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN**

1. Hồ sơ công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, bao gồm:

a) Biên bản họp Hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu.

b) Bản sao giấy chứng nhận đăng ký kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

c) Báo cáo về việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu.

d) Ý kiến của các chuyên gia hoặc tổ chức tư vấn độc lập (nếu có).

2. Sở KH&CN có trách nhiệm xem xét ban hành quyết định công nhận kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 26. Thanh lý hợp đồng KH&CN**

Nhiệm vụ KH&CN được thanh lý hợp đồng sau khi kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN đã đăng ký, lưu giữ; đồng thời, các sản phẩm của nhiệm vụ KH&CN và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê và bàn giao theo các quy định hiện hành.

## **Chương VI**

### **HỘI ĐỒNG KH&CN CHUYÊN NGÀNH**

### **TRÁCH NHIỆM, QUYỀN HẠN CỦA CÁC TỔ CHỨC, CÁ NHÂN**

### **Điều 27. Hội đồng KH&CN chuyên ngành**

1. Số lượng thành viên của các Hội đồng KH&CN chuyên ngành có thể là 07 hoặc 09 người, bao gồm Chủ tịch, Phó Chủ tịch (khi cần thiết), 02 Ủy viên phản biện, các Ủy viên và Ủy viên làm nhiệm vụ Thư ký khoa học. Trong đó, 2/3 thành viên là chuyên gia KH&CN có chuyên môn phù hợp với lĩnh vực của nhiệm vụ KH&CN;

1/3 thành viên là đại diện Sở KH&CN, tổ chức có khả năng ứng dụng kết quả của nhiệm vụ KH&CN, trong đó có ít nhất 01 thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ hoặc tuyển chọn, giao trực tiếp. Hội đồng KH&CN chuyên ngành chỉ tiến hành phiên họp khi có mặt ít nhất 2/3 số thành viên, trong đó phải có Chủ tịch (hoặc Phó Chủ tịch), 02 Ủy viên phản biện, Ủy viên làm nhiệm vụ Thư ký khoa học.

2. Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của nhiệm vụ KH&CN, Giám đốc Sở KH&CN có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Những trường hợp không được tham gia Hội đồng

a) Chủ nhiệm, các cá nhân tham gia chính, tham gia phối hợp thực hiện nhiệm vụ KH&CN.

b) Người đang bị xử phạt do vi phạm hành chính trong hoạt động KH&CN hoặc đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án mà chưa được xóa án tích.

c) Vợ hoặc chồng, bố, mẹ, con, anh, chị, em ruột của chủ nhiệm, thành viên chính tham gia thực hiện nhiệm vụ KH&CN hoặc người có quyền và lợi ích liên quan khác.

d) Người có bằng chứng xung đột lợi ích với chủ nhiệm hoặc tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

### **Điều 28. Trách nhiệm và quyền hạn của Hội đồng KH&CN chuyên ngành**

1. Yêu cầu tổ chức và cá nhân liên quan cung cấp các tài liệu cần thiết phục vụ cho việc tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu.

2. Các Ủy viên Hội đồng KH&CN chuyên ngành có trách nhiệm thực hiện việc đánh giá trung thực, khách quan, chính xác và phải chịu trách nhiệm về các ý kiến tư vấn của mình.

3. Không được cung cấp thông tin về kết quả đánh giá trước khi có quyết định công nhận kết quả; không được lưu giữ, khai thác, công bố và sử dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN trái với quy định của pháp luật hoặc chưa được sự đồng ý của Sở KH&CN.

4. Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng được ủy quyền ngoài trách nhiệm tại Khoản 2, 3 Điều này, còn có trách nhiệm sau:

a) Báo cáo và xử lý các vấn đề phát sinh liên quan đến kết quả đánh giá nghiệm thu của Hội đồng theo yêu cầu của Sở KH&CN.

b) Xác nhận việc hoàn thiện hồ sơ đánh giá, nghiệm thu của tổ chức chủ trì và chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN theo ý kiến kết luận của Hội đồng (Đối với Hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá nghiệm thu).

### **Điều 29. Trách nhiệm, quyền hạn của Sở KH&CN**

1. Tổng hợp trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt danh mục các nhiệm vụ KH&CN hàng năm.



2. Tổ chức xác định các nhiệm vụ KH&CN. Tổ chức tuyển chọn, giao trực tiếp các tổ chức và cá nhân chủ trì các nhiệm vụ KH&CN. Ký kết hợp đồng thực hiện nhiệm vụ KH&CN với tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN.

3. Theo dõi, thanh tra, kiểm tra nội dung, tiến độ thực hiện và việc sử dụng kinh phí nhiệm vụ KH&CN. Trong trường hợp cần thiết có thể điều chỉnh nội dung nghiên cứu cho phù hợp với yêu cầu thực tiễn, hoặc chấm dứt việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN đó. Tổ chức đánh giá nghiệm thu và công bố kết quả nghiên cứu nhiệm vụ KH&CN.

4. Hướng dẫn, triển khai các văn bản pháp luật của nhà nước phục vụ công tác quản lý thực hiện nhiệm vụ KH&CN bảo đảm thống nhất trên địa bàn tỉnh.

### **Điều 30. Trách nhiệm, quyền hạn của tổ chức chủ trì nhiệm vụ KH&CN**

1. Ký kết hợp đồng và theo dõi, hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho chủ nhiệm vụ KH&CN thực hiện hợp đồng với Sở KH&CN; chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả của nhiệm vụ KH&CN, nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng.

2. Chỉ đạo, đôn đốc, theo dõi và kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ KH&CN; có trách nhiệm giám sát chi tiêu chặt chẽ, có hiệu quả, đảm bảo tính chính xác và thanh quyết toán đúng thời gian quy định.

3. Tạo điều kiện thuận lợi, cung cấp tài liệu để Hội đồng KH&CN chuyên ngành hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu đã cung cấp.

4. Cùng chủ nhiệm vụ KH&CN phối hợp với các bên liên quan tiến hành chuyển giao kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN sau khi đã được đánh giá, nghiệm thu theo các quy định hiện hành.

5. Thực hiện việc đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ KH&CN theo quy định hiện hành.

6. Triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 44 Luật KH&CN.

### **Điều 31. Trách nhiệm, quyền hạn của Chủ nhiệm vụ KH&CN**

1. Chịu trách nhiệm về tiến độ và kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN, nghiêm túc thực hiện những điều cam kết trong hợp đồng.

2. Được quyền chủ động sử dụng kinh phí được cấp, thực hiện đầy đủ chế độ báo cáo định kỳ và đột xuất (nếu có) về tình hình triển khai, sử dụng kinh phí và thanh quyết toán nhiệm vụ KH&CN theo đúng quy định hiện hành của nhà nước.

3. Cung cấp tài liệu và trả lời những vấn đề cần thiết liên quan đến kết quả nghiên cứu để Hội đồng KH&CN chuyên ngành đánh giá, nghiệm thu hoàn thành nhiệm vụ và chịu trách nhiệm về tính chính xác của tài liệu đã cung cấp.

4. Triển khai ứng dụng kết quả thực hiện nhiệm vụ KH&CN theo quy định tại Điều 44 Luật KH&CN.

### **Điều 32. Khen thưởng**

Tổ chức, cá nhân có thành tích trong sự nghiệp phát triển KH&CN sẽ được khen thưởng theo quy định tại Điều 77 và Điều 78 của Luật KH&CN.

Đối với nhiệm vụ KH&CN được đánh giá, xếp loại ở mức “Xuất sắc”, Sở KH&CN tham mưu Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tặng Bằng khen cho Chủ nhiệm nhiệm vụ KH&CN.

## **Chương VII TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

### **Điều 33. Sở Khoa học và Công nghệ**

1. Chịu trách nhiệm triển khai, hướng dẫn, giám sát việc triển khai thực hiện Quy định này.

2. Có trách nhiệm hướng dẫn việc tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ; phương thức làm việc của Hội đồng KH&CN chuyên ngành.

3. Chủ tịch UBND tỉnh ủy quyền cho Giám đốc Sở KH&CN quyết định thành lập các Hội đồng KH&CN chuyên ngành để tư vấn xác định, tuyển chọn, giao trực tiếp, đánh giá, nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN.

**Điều 34.** Thủ trưởng các sở, ban ngành tỉnh, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy định này.

Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc, không phù hợp cần bổ sung, sửa đổi, các cơ quan, tổ chức, cá nhân kịp thời phản ánh về Sở KH&CN để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Ngô Hùng**